

“NGHỀ ĐI GHE” Ở CẦN ĐƯỚC: biểu hiện tính mở của cộng đồng cư dân Nam Bộ

NGÔ THỊ PHƯƠNG LAN

Một trong những đặc trưng nổi bật của Tây Nam Bộ là có hệ thống sông ngòi chằng chịt vì đây là vùng đất hội tụ các chi lưu của dòng sông Cửu Long trước khi đổ ra biển Đông. Với độ phì nhiêu do các con sông bồi đắp, vùng đất này cũng đã là nơi dừng chân lí tưởng để mưu sinh đối với các dòng lưu dân những thế kỉ trước, để từ đó hình thành nên một cộng đồng thường được nhận diện là có “tính mở”, “ít khép kín”, “ít tính tự trị”, “ít chất kết dính” (Mạc Đường 1995: 75; Trần Quốc Vượng 1998: 270). Nhiều công trình đã tiếp cận tính chất mở của cộng đồng cư dân miền Nam trên cơ sở so sánh với cộng đồng nông dân miền Bắc (Rambo 1972, 1977; Lương Văn Hy và Diệp Đình Hoa 2000; Lương Văn Hy 2010), hay nhận diện những đặc trưng cho tính mở của làng Nam Bộ trên các khía cạnh tự nhiên, văn hóa và xã hội, đặc biệt là quan hệ xã hội (Hickey 1964; Mạc Đường 1995).

Đặt trong bối cảnh các công trình nghiên cứu về tính mở của cộng đồng cư dân ở Nam Bộ, qua nghiên cứu về “nghề đi ghe” ở huyện Cần Đước của tỉnh Long An, bài viết sẽ đóng góp thêm một phương diện của tính mở, nhìn từ tính linh động của phương thức sinh kế. Tính linh động của phương thức sinh kế này bắt nguồn từ điều kiện tự nhiên và kinh tế của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên đặc trưng của tính mở này lại bị quy định bởi tính đóng, hay lực quy tâm của các quan hệ cộng đồng, dòng họ, gia đình và quan hệ nội hôn cộng đồng, vốn là đặc trưng xã hội của cộng đồng cư dân Nam Bộ⁽¹⁾.

biển Soài Rạp, nên vùng đất Cần Đước có đặc điểm là hệ thống sông ngòi và kênh mương chằng chịt, đất đai một số xã bị nhiễm mặn. Đây là hai đặc điểm tự nhiên quan trọng, quy định hoạt động kinh tế của vùng đất này, đặc biệt trong giai đoạn chưa chịu sự tác động mạnh mẽ của sự phát triển khoa học công nghệ trong sinh kế của các cư dân.

Với vị trí địa lí là trung gian giữa Đông Nam Bộ, phong phú về các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp và là trung tâm kinh tế xã hội lớn, với Tây Nam Bộ, vốn phong phú về các mặt hàng nông sản, nên cư dân ở các xã vùng hạ của huyện Cần Đước như Tân Chánh, Tân Ân, Long Hựu Đông, Long Hựu Tây và Phước Đông từ xa xưa đã phát triển nghề đi ghe buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa hai vùng và giữa

các tỉnh Tây Nam Bộ. Nghề đi ghe trở thành một hoạt động quan trọng của cư dân ở huyện Cần Đước là do vị trí địa lí và điều kiện thổ nhưỡng, cùng với các hoạt động kinh tế tương ứng chi phối. Theo Trịnh Hoài Đức (1972), việc sử dụng ghe thuyền làm phương tiện đi lại đã rất phổ biến và là một đặc trưng của vùng đất Gia Định xưa vốn có “nhiều sông suối cù-lao”. Đặc biệt ở những vùng “gần biển, ruộng bùn nước mặn”, có tồn tại hình thức “người chuyên nghiệp rửa sạch lòng ghe đi chở nước ngọt, đến mấy chỗ ấy đổi lấy lúa gạo, hưởng được mối lợi khá nhiều” (tr.14 - 17).

Do bài viết tập trung vào nghề đi ghe nên trong bài viết này, vùng đất Cần Đước được đề cập chỉ gói gọn trong những xã thuộc vùng hạ của Cần Đước, như Tân Chánh, Tân Ân,

Phước Tuy, Long Hựu Đông, Long Hựu Tây, Phước Đông, vốn là những nơi phổ biến nghề đi ghe. Trong các xã này, vùng đất Tân Chánh được tập trung miêu tả nhiều vì đây được cho là nơi nghề đi ghe phát triển nhất. Vào thời hoàng kim của nghề vận tải đường sông, Tân Chánh là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề này nhất của huyện. Những doanh nghiệp này đa phần đều phát triển từ nghề đi ghe truyền thống. Vào năm 2009, thời hoàng kim của nghề vận chuyển trên sông, xã Tân Chánh có đến 500 phương tiện của các hộ tư nhân và ba doanh nghiệp lớn đóng sà lan⁽²⁾.

2. Hoạt động kinh tế của cư dân ở huyện Cần Đước

Trong buổi đầu của quá trình khẩn hoang lập nghiệp, vùng đất Cần Đước cũng như các vùng đất khác ở Tây Nam Bộ còn rất hoang sơ. Những cư dân Việt đầu tiên từ Đàng Ngoài đã đặt chân đến vùng đất này và chọn đây làm nơi sinh sống tụ cư của họ. Các chứng cứ về lịch sử, dân tộc học và ngôn ngữ học đã chứng minh nguồn gốc cư dân huyện Cần Đước là người Việt từ miền Trung của Việt Nam di cư vào⁽³⁾. Khảo sát của chúng tôi về nguồn gốc dòng họ của các họ lớn như họ Ngô, họ Nguyễn tại đây cũng củng cố thêm cho quan điểm này.

Lịch sử sinh kế của các cư dân Nam Bộ có thể chia theo nhiều cách, dựa trên các yếu tố tác động, chẳng hạn như sự thay đổi thể chế chính trị (ví dụ trước 1975 và sau 1975) hay sự ra đời của chính sách (chẳng hạn chính sách Đổi mới). Đối với sinh kế của cư dân huyện Cần Đước, chúng tôi dựa trên mốc thời gian xuất hiện phương thức mưu sinh mới tại địa phương, đó là nghề nuôi tôm vào năm 2000. Nghề nuôi tôm đã làm thay đổi mạnh mẽ diện mạo sinh thái, kinh tế và xã hội của vùng đất này. Sự xuất hiện của nghề nuôi tôm tại Cần Đước là kết quả tổng hợp của các chính sách phát triển ở cấp độ vĩ mô.

Trước năm 2000, do là vùng đất giáp biển với sáu tháng nước mặn, sáu tháng nước ngọt và đất đai bị nhiễm mặn, nên Cần Đước được xem là một vùng đất nghèo, có nhiều khó khăn do điều kiện tự nhiên không ưu đãi cho nông nghiệp, đặc biệt vào các tháng mùa khô. Đời sống cư dân rất cơ cực. Xã Tân Chánh, với điều kiện tự nhiên có nhiều diện tích đất nhiễm mặn, trước khi chuyển dịch sang nuôi tôm là một xã nghèo nhất của huyện Cần Đước. Trong bối cảnh điều kiện tự nhiên không thuận lợi và hạn chế về phát triển khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, nhưng trong một thời gian dài, trồng lúa vẫn là hoạt động kinh tế chủ yếu của các cư dân tại đây. Mặc dù Long An là một tỉnh có diện tích và sản lượng lúa cao của vùng ĐBSCL, nhưng đối với huyện Cần Đước thì năng suất lúa so với các vùng chuyên trồng lúa thấp hơn nhiều. Trong khi năng suất trung bình ở vùng ĐBSCL và các vùng có điều kiện thuận lợi cho trồng lúa là từ 5 - 6 tấn/ha, thì ở xã Tân Chánh của huyện Cần Đước năng suất chỉ khoảng 1 tấn/ha⁽⁴⁾.

Hoạt động trồng lúa gạo của cư dân vùng hạ Cần Đước được minh họa rõ nét qua trường hợp hộ nông dân N.V.T ở xã Tân Chánh, huyện Cần Đước. Gia đình ông có 10 nhân khẩu, diện tích đất trồng lúa là 1,2 ha. Theo ông, hằng năm nhà ông sản xuất lúa dư ăn. Đất trồng lúa của hộ ông T ở vùng đất cao nên có năng suất ổn định do đất ít bị xâm mặn. Khi còn trồng lúa, mỗi năm ông thu hoạch được khoảng 0,8 đến 1 tấn lúa. Lúa sản xuất ra chủ yếu được dùng để ăn, chăn nuôi heo, gà, vịt. Phần dư ra được bán để lấy tiền chi tiêu cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, đặc biệt là dùng để tổ chức cũng như tham gia các đám tiệc trong cộng đồng. Khi trồng lúa còn là hoạt động nông nghiệp chính, lúa gạo được xem như một tài sản đảm bảo an ninh cuộc sống cho hộ gia đình. Do vậy, ông cũng như những người dân khác trong vùng luôn tích trữ lúa trong nhà và

chỉ đem đi bán khi gia đình có việc, chẳng hạn như đám tiệc. Thậm chí, do có thu nhập khác từ nghề thau xây dựng nên ông còn mua lúa để tích trữ, chờ đến lúc lúa lên giá bán ra để kiếm lời.

Đối với các hộ dân có diện tích đất trồng lúa không nhiều⁽⁵⁾ thì một năm cấy lúa đủ ăn có một tháng, phải đi mướn, đi ghe, đi thành phố làm công nhân để kiếm sống. Ngoài yếu tố năng suất thấp và đất đai ít thì trong giai đoạn trước năm 1975, việc thuê ruộng của địa chủ cũng làm cho đời sống của nông dân thêm phần cơ cực:

Mần ruộng mà nói ngày xưa làm ăn đâu có nổi đâu. Làm ruộng đi mướn của chủ điền, mười mẫu, tới tháng mười còn có chục gạ lúa à, nó lấy... hết rồi. Như vậy mà được mần, còn không có thân thể là không được mần thì nghề buôn bán phải làm, Cần Đức này chuyên môn đi ghe không à. Tha phương cầu thực mà... đâu có đất mà làm dừa được. Không được, Bến Tre người ta nhờ dừa được. Còn Cần Đức này thì đi ghe với làm ruộng, làm ruộng thì chủ điền bao tá điền (N.V.T, nam, 71 tuổi, xã Tân Ân).

Với điều kiện tự nhiên của một vùng nước lợ, trước khi có sự áp dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp với việc gia tăng kỹ thuật thâm canh để tăng năng suất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các đối tượng cây, con và ngành nghề khác, thì ở các vùng phổ biến nghề đi ghe truyền thống trước đây một năm chỉ trồng lúa một vụ vào mùa mưa và năng suất rất thấp.

Cái vùng ở đây trên bờ hồng mần gì được ra tiền, ruộng ở đây đâu có mần được. Ruộng khu này, ở đây bị vì sáu tháng mặn, sáu tháng ngọt. Nó lợ lợ thì ruộng không có mần được. Kinh tế trên bờ không có mần được thành ra bây giờ tìm cách đi ghe kiếm tiền mà sống thôi chứ còn ở nhà thì không có làm gì được hết (T.V.D, nam, 60 tuổi, xã Tân Ân).

Ở huyện Cần Đức, bên cạnh nghề trồng lúa và nghề đi ghe như miêu tả, người dân còn sống bằng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản nước ngọt. Tuy nhiên, các ngành nghề này chỉ mang tính chất kết hợp với nông nghiệp chứ chưa phát triển theo hướng chuyên môn hóa thành một ngành nghề độc lập. Ví dụ, người dân ở xã Long Sơn chỉ dẹt chiếu vào những lúc nông nhàn. Thời gian lao động chủ yếu dành cho sản xuất lúa gạo. Hiện nay, tính chất kết hợp này vẫn chưa thay đổi, dù ở cộng đồng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nghề nghiệp. Một hộ nông dân vừa có thể trồng lúa, chăn nuôi gia cầm hay làm công nhân vừa có thể dẹt chiếu để tăng thêm thu nhập hằng ngày. Ở Tân Chánh, trước khi chuyển dịch từ trồng lúa sang nuôi tôm vào giai đoạn 1999 - 2000, ở đây chủ yếu phát triển nghề chăn nuôi trâu, heo, gia cầm và cá⁽⁶⁾.

Tóm lại, trong quá khứ, các xã ở huyện Cần Đức có nghề đi ghe truyền thống là những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, một năm chỉ làm một vụ lúa, do đất canh tác không nhiều nên từ lâu cư dân đã phải phân tán đi nhiều nơi để kiếm sống. Những cư dân có đủ khả năng kinh tế hay có thể vay mượn thì mua sắm ghe để đi mua bán thêm, một số người làm thợ mộc, đóng ghe hay đi làm mướn ở các vùng khác. Di cư lao động từ lâu đã là một đặc trưng của những vùng đất có điều kiện tự nhiên không ưu đãi cho hoạt động nông nghiệp. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và nhu cầu trao đổi hàng hóa trong khi phương tiện giao thông đường bộ còn hạn chế đã tạo nên ở vùng đất này nghề đi ghe truyền thống. Đây là một trong những đặc điểm cho tính mở của cộng đồng cư dân Nam Bộ theo nghĩa dòng buôn bán, trao đổi, lưu thông xuôi ngược trên hệ thống sông rạch chằng chịt này là những sợi chỉ gắn kết giữa cộng đồng tại nơi cư trú và các cộng đồng nơi mua bán. Tính lưu động này có thể

xem như một biểu hiện cho tính mở của cộng đồng nông dân Nam Bộ, theo nghĩa hình thành các mối liên kết bên ngoài cộng đồng.

3. Nghề đi ghe: tính linh động như một biểu hiện của tính mở của cộng đồng

Nghề đi ghe ở Cần Đước được cho là có từ thời Pháp thuộc. Qua lời kể của những người dân ở đây hiện đang làm nghề đi ghe hoặc không còn đi ghe thì gia đình họ đã có nhiều nhất bốn đời làm nghề này. Những chiếc ghe đầu tiên chạy bằng “chèo tay rồi tới ghe buồm rồi tới bây giờ là có máy”. Khi các ghe chưa có máy, để đi đến các tỉnh khác, các ghe chủ yếu phải chèo tay hay chạy buồm, có khi “mất cả tháng trời cho một chuyến đi”. Người dân chỉ có thể tận dụng sức gió, chạy bằng buồm khi “ghe nổi”, nghĩa là lúc ghe không chở hàng hóa. Theo lời kể của những người đi ghe, có một số “hãng” mua tàu kéo vận hành bằng máy móc để làm dịch vụ kéo các ghe chèo tay hay ghe buồm đi chuyển tới lui giữa các tỉnh, bằng cách nối ghe này với ghe kia bằng dây. Khi các chiếc ghe tới nơi cần đến, tàu kéo sẽ tháo dây cho ghe đó tách đoàn và đoàn lại tiếp tục cuộc hành trình. Nếu so sánh giữa ba giai đoạn: thời Pháp thuộc, thời chính quyền Sài Gòn và sau giải phóng thống nhất đất nước vào năm 1975, thì nghề đi ghe hoạt động nhộn nhịp vào thời Pháp thuộc và thời sau giải phóng, vào những năm đói kém (đặc biệt vào năm 1978).

Thời Mĩ cũng có đi ghe, thời Mĩ đi mới ngon, thời đó là mua trị bán lạng mà. Nhưng mà chiến tranh quá nên cũng ít đi. Mua trị bán lạng thì mình đi vô cái vùng giải phóng mua rẻ ra bán mắc, nhưng mà chết cả đồng. Mà dân mình bị tham nên mới chết, ở đây chết cả đồng nè. Lính nó đón các lái (người đi buôn bán) vào vùng giải phóng mua rẻ, chuyển ra bất chặt đầu mấy ông. Người ta nói mua trị bán lạng đó. Sau giải phóng đói quá phải nhảy đi ghe để kiếm cơm (N.V.T, 78 tuổi, nam, xã Tân Chánh).

Vào thời kinh tế bao cấp, các ghe lớn buộc phải tham gia vào hợp tác xã vận chuyển theo kế hoạch chỉ tiêu được nhà nước giao. Hiện nay, các ghe muốn hoạt động sẽ đăng kí phương tiện với Sở Giao thông công chính của các tỉnh, đóng thuế môn bài và thuế kinh doanh nếu các ghe đó đi mua bán hay làm dịch vụ.

Nam giới là lao động chính trong nghề đi ghe, do nghề này cần nhiều sức lực để chèo lái, đôi lúc để khuân vác và sắp xếp hàng hóa. Các chủ ghe khi đi mua bán thường thuê thêm các nam thanh niên đi cùng để làm các công việc nặng nhọc này. Ngoài ra, do tính chất mua bán xa nhà lâu ngày nên nếu chủ ghe có gia đình thì khi nông nhàn người vợ thường đi theo để lo cơm nước, dọn dẹp trên ghe, đôi khi còn tham gia vào việc mua bán.

Hoạt động chính của nghề đi ghe truyền thống ở Cần Đước là buôn bán lu, lúa gạo, cá, heo, phế liệu, hay các nông sản khác và khai thác củi ở rừng Sác. Ở xã Tân Chánh, các ấp như Hòa Quới, Đông Trung và Bà Nghĩa, vốn là các ấp sát với sông Vàm Cỏ hướng đi về các tỉnh miền Tây, tập trung nhiều hộ dân làm nghề đi ghe. Người dân tuy mua bán các mặt hàng khác nhau nhưng có điểm chung là mua bán hai chiều. Họ thường lấy hàng công nghiệp như gốm sứ ở Lái Thiêu (Bình Dương) và Biên Hòa, hàng nhôm nhựa, chén kiếu ở Tp. HCM để đem về các tỉnh miền Tây bán và mua các mặt hàng nông sản ở các tỉnh miền Tây đem lên Tp. HCM (Sài Gòn trước đây) để bán.

Mua lu, khạp đó từ Lái Thiêu. Xuống Cần Thơ, Cái Răng bán ở chợ, bán sỉ và bán lẻ luôn. Bán mấy tiệm tạp hóa, mấy vựa đó. Cái Răng tui có đi, chợ nổi ở Cần Thơ, rồi đi tùm lum à. Đi tới Cà Mau luôn, rồi rút cuộc những người đi bây giờ người ta giàu rồi, đi nghề gốm đó, cất nhà tỉ bạc. Cái nghề đó đi vốn nhiều lắm, vốn nó một lần một tỉ bạc. Một tỉ, mà tiền không phải của nó, của người ta bỏ cho nó đi bán. Đi chuyển về trả lại, mà trong

một tỉ này nó phải lời 200 triệu. Một năm đi bốn chuyến, một chuyến lời một trăm, bốn chuyến nó lời 400 trăm rồi đó. Ghe nó bị lấm, hai, ba, sáu, bảy chục tấn. Ghe bóng dọn luôn, ghe mấy trăm triệu. Có máy đồ này kia luôn. Ghe chuối cỡ sáu tấn mua từ tỉnh Bến Tre, vùng Cái Mơn, Chợ Lách, Trường Thịnh, giờ là Mỏ Cây Bấc, rồi về bán ở khu vực Chợ Lớn (N.V.D, nam, 55 tuổi, Phước Đông, Cần Đức, Long An).

Hiện nay, giao thông và giao thương đường bộ phát triển thuận lợi đã tác động lớn đến hoạt động của nghề đi ghe. Các mặt hàng mua bán truyền thống trước kia không còn, ngoại trừ mặt hàng “đồ trắng” (chén bát, lu, khạp, kiệu). Các mặt hàng này vận chuyển bằng đường bộ không thuận lợi bằng đường sông do dễ vỡ và cồng kềnh.

Vận chuyển đồ cồng kềnh thì ở ghe mình rẻ hơn, mấy mặt hàng kia thì xe rẻ hơn vì ở dưới công ti nó mở ra nó lấy hàng rẻ về nó giao rẻ hơn mình ở đây, đồ mủ, sành, sứ nó giao rẻ hơn, mình giờ chỉ chuyển hàng Lái Thiêu thôi à, hàng kiệu⁽⁷⁾, lu, khạp là mình chở mấy mặt hàng đó, xe không vận chuyển được. Ở công ti bán chỉ có nhựa, mủ, nhôm, sành, sứ, thủy tinh đó. Còn kiệu là công ti không có, nó lệ thuộc ghe mình. Kiệu, xe không vận chuyển được vì nó sẽ bể. Nó bị quá xe không có chở được nhiều, ghe mình chở được nhiều. Với đi xa tiền xăng rồi chi phí nhiều (N.T.N.B, nữ, 35 tuổi, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An).

Hiện nay các ghe vẫn vận chuyển các mặt hàng nào vận chuyển đường thủy có lợi thế hơn so với đường bộ như hàng dễ vỡ, hay tận dụng lợi thế ghe nhỏ có thể vận chuyển hàng hóa len lỏi đi vào các vùng sâu, xa, nên chuyên chở các mặt hàng gia dụng lấy ở Tp. HCM. Bên cạnh các loại ghe chở hàng, do sự phát triển của các loại phương tiện vận chuyển đường thủy, nên đã xuất hiện các loại ghe nhỏ chuyên bán các mặt hàng thiết yếu trong đời

sống hằng ngày cho các ghe lớn hay các sà lan. Người dân gọi loại ghe này là “ghe vằm”.

Cái vùng này nói chung ai cũng vậy. Có người, người ta có tiền thì người ta tạo điều kiện có được sà lan, ghe bị đồ người ta đi. Còn mình hông có điều kiện thì mình làm ghe nhỏ, buôn bán sống. Cũng như mua ba cái rau cải, thịt cá đồ mình mua bán theo các sà lan đồ nè mình bán sà lan người ta ăn buổi sáng vậy đó trưa mình nghỉ buôn bán đường sông. Ghe nhỏ vậy đó (T.V.D, nam, 50 tuổi, xã Tân Chánh).

Mặc dù hiện nay nghề đi ghe truyền thống không còn phổ biến như trước nhưng qua khảo sát của chúng tôi vào năm 2010 tại ấp Đình của xã Tân Chánh, một xã được cho có số hộ đi ghe vào mức trung bình, giai đoạn trước đây có 40% hộ từng làm nghề đi ghe và hiện nay (2012) còn khoảng 6% hộ duy trì nghề đi ghe, chủ yếu chuyên chở vật liệu, chở thuê hàng hóa, đi bán hàng tạp hóa và lu, kiệu đựng nước cho các tỉnh vùng hạ của ĐBSCL. Hiện nay, tuy nghề đi ghe truyền thống không còn phổ biến như trước nhưng “nghề sông nước” vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là nghề vận chuyển bằng sà lan và ghe vận chuyển trọng tải nhỏ, vẫn đóng một vai trò quan trọng.

Tuy nghề đi ghe có tính lưu động nhưng đặc trưng của tính lưu động này hình thành từ sự tương tác của lực quy tâm, biểu hiện qua sự gắn kết của các mối quan hệ gia đình, dòng họ.

4. Quan hệ gia đình - dòng họ và cộng đồng: lực quy tâm của tính mở

Do tính chất công việc là mưu sinh vì “không có nghề nào khác” nên cộng đồng đi ghe ở huyện Cần Đức từ trước đến nay vẫn có tâm thế gắn kết với cộng đồng qua các mối liên hệ gia đình, dòng họ và cộng đồng vào những dịp đám, tiệc hay lễ tết và sự đầu tư cho tương lai.

Gia đình là đơn vị xã hội cơ bản, là nơi các cá nhân gắn bó với nhau qua mối quan hệ hôn nhân và huyết thống. Ở địa bàn nghiên cứu, về đặc điểm hộ gia đình, theo số liệu khảo sát của chúng tôi, hiện nay gia đình có hai thể chế chiếm ưu thế⁽⁸⁾. Qua phỏng vấn hồi cố, ở huyện Cần Đước có truyền thống cha mẹ khi về già thường ở với con trai út. Phong tục này hiện nay vẫn còn duy trì. Con gái khi lấy chồng thì sẽ về nhà chồng, còn những người con trai khi lập gia đình, thời gian đầu nếu chưa có điều kiện sẽ ở chung với cha mẹ. Khi đã có đầy đủ điều kiện, cặp vợ chồng mới sẽ được cha mẹ bên chồng chia tài sản, thường là đất đai, để ra ở riêng.

Như Hickey đã xác định, chức năng quan trọng nhất của dòng họ là thờ cúng tổ tiên (Hickey 1964: 88). Do vậy, vào giai đoạn nghề đi ghe phát triển (từ thời Pháp thuộc đến những năm 1990), người ta thường quan niệm một gia đình “có phước” là gia đình có đông con trai. Dòng họ phụ hệ gần thường được xác định là những người có chung ông nội. Hình thức thờ cúng tổ tiên được thể hiện mạnh mẽ qua việc tổ chức các đám giỗ trong dòng họ. Sự phân chia tổ chức đám giỗ (*thỉnh giỗ*) những người đã khuất trong dòng họ là do sự thỏa thuận giữa các anh em trai trong gia đình và trong dòng họ. Người dân thường thờ đến đời thứ ba (PPEgo) tính từ ego (nam) trở lên⁽⁹⁾.

Theo truyền thống, hôn nhân cùng địa phương là một đặc điểm phổ biến. Tuy nhiên, việc lấy vợ/chồng cùng địa phương đã có xu hướng giảm so với trước, do việc mở rộng các mối quan hệ và di cư lao động ở các thành viên trẻ. Tuy trước đây cũng đã có những trường hợp lấy vợ/chồng ngoài cộng đồng do điều kiện chiến tranh (di hoạt động cách mạng, tản cư) và điều kiện kinh tế (di cư lao động trong nông nghiệp và buôn bán), nhưng hình thức hôn nhân ưa thích vẫn là lấy người địa phương vì “biết rõ nhau”. Và mặc dù có những

cuộc hôn nhân khác ấp, khác xã, khác huyện, thậm chí là khác tỉnh, nhưng trên thực tế, hai người hôn phối thường ở các địa bàn giáp ranh nhau. Tuy nhiên, với đặc tính linh động, đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người và với xu hướng mở của các cộng đồng hiện nay, những người đi ghe còn gặp gỡ người hôn phối của mình tại những nơi họ đến bán hàng hay mua hàng.

Sự gắn kết giữa những người cùng dòng họ và nơi cư trú thể hiện qua việc tham gia mạnh mẽ vào các đám tiệc liên quan đến nghi lễ đời người như đầy tháng, thôi nôi, đám hỏi, đám cưới, mừng thọ, đám tang và đám giỗ. Đám tiệc phổ biến nhất là đám giỗ, hay đám cúng cơm, vì có chu kỳ hằng năm và giỗ nhiều đời. Đám tiệc là dịp người dân qua lại thăm hỏi nhau để thắt chặt tình thân. Tuy mua bán là hoạt động mưu sinh chính và phải thường xuyên xa nhà, nhưng khi “có đám gì trong gia đình ruột thịt thì gửi ghe lại, đi xe về”, cũng như trước đây “đi đâu thì đi, mùa gặt hay nhà có đám giỗ thì phải canh chừng để về lo phụ”. Bên cạnh đó, cúng đình hay cúng miếu hằng năm cũng là dịp để tụ họp và gặp gỡ những người trong cộng đồng, là dịp để mọi người cầu xin hay tạ lễ với các đấng linh thiêng phù hộ cho việc làm ăn mua bán. Dịp Tết là dịp những người đi ghe về ở lâu nhất với gia đình và cộng đồng. Bắt đầu từ ngày 23 tháng Chạp, những chiếc ghe có mắt được vẽ bằng các màu đỏ, đen, trắng từ khắp nơi trở về, neo đậu kín các bến sông và các con rạch chạy dọc theo các đường lộ ở Cần Đước. Các chủ ghe có quan hệ ruột thịt hay họ hàng thường đậu gần kề nhau. Tết là dịp mọi người thu và trả nợ, nên cũng là dịp các chủ ghe tổng kết lời lỗ trong một năm mua bán của mình. Trong thời gian này, mọi người nghỉ ngơi, đi thăm hỏi gia đình, họ hàng và chòm xóm.

Quan trọng hơn, dù đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, nhưng vùng đất vốn còn nhiều

khó khăn này vẫn là nơi họ quay về khi đã “mua bán khá, giao lại ghe cho con về quê” hay “để dành tiền mua đất cất nhà ở quê”. Nếu phải chọn lựa giữa việc mưu sinh và việc chăm sóc cha mẹ già, thờ cúng tổ tiên ở nơi quê gốc, thì những người đi ghe thường sẽ chọn “cha mẹ đã già, phải về coi nhà vì em út đi lấy chồng hết rồi... kiếm việc làm khác... phải chịu thôi”.

Như vậy, sự xuất hiện của nghề đi ghe ở Cần Đước từ góc độ sinh thái có thể lí giải là do điều kiện tự nhiên và vị trí địa lí chi phối, bên cạnh yếu tố xã hội là sự phân công lao

động sản xuất giữa Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, trong đó có Tp. HCM. Đặc trưng cho tính mở của cộng đồng nông dân Nam Bộ có thể được phân tích ở góc độ là tính lưu động của quá trình làm ăn và sinh sống của các cư dân. Hoạt động thương hồ hay nghề đi ghe là những mối dây liên kết con người, lưu thông hàng hóa giữa các vùng với nhau. Tuy nhiên, tính mở của nghề đi ghe lại được quy định bởi tính cộng đồng, thân tộc, dòng họ, thể hiện ở chỗ quê hương luôn là nơi họ đầu tư và là đích đến cuối cùng trong cuộc hành trình mưu sinh. ■

Chú thích

- (1) Dữ liệu của bài viết xuất phát từ quá trình nghiên cứu về sinh kế của nông dân tại vùng đất này, do tác giả thực hiện vào giai đoạn 2009 - 2010 và cuộc khảo sát về nghề đi ghe tại đây vào tháng 5 và tháng 10 năm 2013 tại huyện Cần Đước cho đề tài “Hoạt động thương hồ ở đồng bằng sông Cửu Long: truyền thống và biến đổi”, do Quỹ Nafosted tài trợ, GS. Ngô Văn Lệ làm chủ nhiệm.
- (2) Phòng văn lãnh đạo xã Tân Chánh, năm 2009.
- (3) Ban Chấp hành đảng bộ huyện Cần Đước, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Long An (1988), tr. 22-23 và UBND huyện Cần Đước tỉnh Long An <http://canduoc.longan.gov.vn>, truy cập ngày 16/01/2014.
- (4) Phòng văn nông dân trồng lúa tại xã Tân Chánh và xã Tân An năm 2010.
- (5) 5.000 m² là diện tích đất trung bình một hộ sở hữu ở xã Tân Chánh của huyện Cần Đước tỉnh Long An.
- (6) UBND tỉnh Long An, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1999) Báo cáo nghiên cứu khả thi: Điều chỉnh và bổ sung dự án nuôi tôm tại xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, tr. 21-22.
- (7) Kiệu là một vật dụng được làm bằng sành để đựng nước có dung tích lớn hơn lu và khạp.
- (8) Ở ấp Đình của xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉ lệ hộ gia đình có hai thế hệ chiếm 63% (khảo sát thực tế năm 2010).
- (9) Người dân làm đám giỗ để tưởng nhớ những bậc sinh thành của dòng họ đã qua đời, họ thường làm giỗ cho đến đời thứ ba (ông bà nội) tính từ người thờ cúng ngược về trước. Khi không làm đám giỗ nữa do khoảng cách thời gian quá xa, họ thờ chung những người này với tổ tiên của dòng họ, “cửu huyền thất tổ”.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cần Đước, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Long An (1988), *Cần Đước: Đất và Người*, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Long An xb.
2. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xb.
3. Mạc Đường chủ biên (1995), *Làng xã ở châu Á và ở Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Hickey, Gerald Cannon (1964), *Village in Vietnam*. Yale University Press.
5. Lương Văn Hy và Diệp Đình Hoa (2000), “Bốn cộng đồng nông thôn và thành thị Việt Nam: cảnh quan kinh tế, xã hội và văn hóa”, trong *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội.
6. Lương Văn Hy (2010), “Quà và vốn xã hội ở hai cộng đồng nông thôn Việt Nam”, trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: những cách tiếp cận nhân học*, quyển 1, tr. 397 - 424, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
7. Trần Quốc Vượng chủ biên (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. UBND tỉnh Long An, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (1999), *Báo cáo nghiên cứu khả thi: điều chỉnh và bổ sung dự án nuôi tôm tại xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An*.
9. Rambo, Terry (1972), *A Comparison of Peasant Social System of Northern and Southern Vietnam: A Study of Ecological Adaptation, Social Succession, and Cultural Evolution*, Luận án tiến sĩ ngành Nhân học, University of Hawaii.
10. Rambo, Terry (1977), “Closed Corporate and Open Peasant Communities: Reopening a Hastily Shut Case”. *Comparative Studies in Society and History*, Vol. 19, tr. 179 - 188, Cambridge University Press.
11. Cổng thông tin điện tử UBND Huyện Cần Đước, tỉnh Long An <http://canduoc.longan.gov.vn>

TS. NGÔ THỊ PHƯƠNG LAN

Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp.HCM